

TÁC ĐỘNG CỦA SUY THOÁI KINH TẾ ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH TRƯỜNG GIANG

Impacts of Economic Recession on Business Activities of Truong Giang Limited Company

Nguyễn Quốc Chính¹, Hà Thị Nhung²

¹Khoa Kế toán và QTKD, Trường Đại học nông nghiệp Hà Nội

²Sinh viên lớp QTKD-B, Khóa 52

Địa chỉ email tác giả liên lạc: nqchinh99@gmail.com

Ngày gửi bài: 12.10.2011 Ngày chấp nhận: 12.03.2012

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường Giang, Thành phố Hải Dương. Mục tiêu chủ yếu của nghiên cứu là phân tích tác động của suy thoái kinh tế (STKT) đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; Các giải pháp ứng phó của công ty trước tác động của STKT và đề xuất một số giải pháp nhằm giúp công ty hoạt động có hiệu quả hơn trong điều kiện suy thoái. Các phương pháp chủ yếu được sử dụng là phương pháp tiếp cận hệ thống và có sự tham gia; phương pháp tổng hợp tài liệu và phương pháp so sánh. Kết quả nghiên cứu cho thấy STKT đã làm giảm các nguồn vốn vay của công ty đặc biệt vốn vay ngân hàng; giá cả các yếu tố đầu vào tăng cao, các nhà cung cấp thay đổi phương thức thanh toán khiến công ty gặp một số khó khăn; suy thoái đã ảnh hưởng tới việc làm của 82,6% người lao động, 62,6% người lao động có thu nhập giảm; hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty giảm ở tất cả các chỉ tiêu, đặc biệt là năm 2009 (ROS: -2,36; ROE:-2,80 và ROA:-1,64) và mức sống của 82,9% người lao động bị suy giảm. Để ứng phó với những tác động của suy thoái kinh tế công ty đã áp dụng nhiều biện pháp. Nghiên cứu cũng chỉ ra một số giải pháp hiệu quả bao gồm: Khai thác tốt gói kích cầu của Chính phủ; thực hiện đàm phán lại với nhà cung cấp và tìm kiếm thêm các nhà cung cấp nhằm đảm bảo đầu vào; thực hiện sa thải và tuyển dụng thêm lao động vào các thời điểm cần thiết...

Từ khóa: Suy thoái kinh tế, tác động, biện pháp thích ứng.

SUMMARY

The study was conducted in Truong Giang Co. Ltd, Hai Duong city. The main objectives of the study were i) to analyze impacts of economic recession on business activities of the company; ii) to understand adapting solutions applied by company to overcome the negative impacts of economic recession, and iii) to propose feasible solutions to help the company do business more efficiently under economic recession conditions. Systematical and participatory approaches; comparison and consultancy methods are main methods applied in this study. Results of the study show that economic recession has reduced capital sources, especially banking sources; increased input prices and changed payment methods of input suppliers that made business activities of the company more difficult; economic recession had negative impact on 82,6% labor force; and 62,6% of them has income reduced; Business efficiency has reduced in all indicators, especially in 2009 (ROS: -2,36; ROE:-2,80 và ROA:-1,64) and living standard of 82,9% labors has also reduced. To response to economic recession, the company has applied various solutions. Exploitation of government's stimulus funding package; renegotiation and finding out more input suppliers; appropriately capital borrowing using plan; and better use of labor force are main solution suggested by the study.

Keywords: Adaptation solutions, economic recession, impacts.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Suy thoái kinh tế là giai đoạn tất yếu trong chu kỳ kinh tế, xuất hiện ở các nền kinh tế theo định hướng thị trường. STKT được hiểu là sự suy giảm của tổng sản phẩm quốc nội thực trong thời gian hai hoặc hơn hai quý liên tiếp trong năm hay tốc độ tăng trưởng kinh tế âm liên tục hai quý trong năm, nó liên quan đến sự suy giảm đồng thời của các chỉ số kinh tế của toàn bộ hoạt động kinh tế như việc làm, đầu tư và lợi nhuận doanh nghiệp (Trần Chí Thiện, 2009). Suy thoái là giai đoạn đi xuống của một chu kỳ kinh tế gồm 4 thời kỳ là: Phát triển, khủng hoảng hay hoảng loạn, suy thoái hay co cụm, và phục hồi” (John, 2009; Duncan, 2010). Suy thoái kinh tế kéo dài và trầm trọng được gọi là khủng hoảng kinh tế (Susan, 2002).

Có 4 kiểu STKT thường hay được nhắc đến là kiểu chữ V, kiểu chữ U, kiểu chữ W và kiểu chữ L. Nguyên nhân của suy thoái được xem xét dưới nhiều góc cạnh và bằng nhiều quan điểm khác nhau, tuy nhiên quan điểm được các chuyên gia đồng thuận cao hơn cả là suy thoái kinh tế bắt nguồn từ sự kết hợp các yếu tố nội sinh và ngoại sinh của nền kinh tế [thiên]. Xem xét dưới góc độ vĩ mô, STKT xảy ra khiến cho tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng như từng quốc gia bị suy giảm; Gia tăng lạm phát; Gia tăng tỷ lệ thất nghiệp; Làm giảm chất lượng cuộc sống và giảm sút niềm tin.

Từ sau chiến tranh thế giới thứ II đến nay, thế giới đã trải qua 10 cuộc suy thoái kinh tế và gần đây nhất là vào năm 2008 - 2010. STKT đã gây ra sự giảm sút về sức mua của người tiêu dùng, các doanh nghiệp mất đi thị trường, cắt giảm giá bán sản phẩm, tăng tỷ lệ thất nghiệp,... dẫn đến giảm khả năng cạnh tranh (Katerila và Matthew, 2010). Các tác động trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến mọi hoạt động đời sống vật chất và tinh thần của toàn xã hội.

Để ứng phó với các tác động của STKT, các quốc gia đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm

hạn chế và khắc phục tác động của STKT, từng bước ổn định và đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, những tác động của STKT thường rất nặng nề và hậu quả có nó có thể kéo dài trong nhiều năm.

Doanh nghiệp nói chung và Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường Giang riêng những năm qua phải đối mặt với nhiều khó khăn do tác động của STKT. Để hạn chế những tác động tiêu cực của STKT, các doanh nghiệp đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau để từng bước ổn định và phát triển sản xuất. Tuy nhiên, tác động của suy thoái vẫn còn nặng nề, cần có những nghiên cứu cụ thể để có những giải pháp hợp lý nhằm giúp các doanh nghiệp tiến hành sản xuất kinh doanh (SXKD) có hiệu quả trong điều kiện có suy thoái.

Xuất phát từ thực tế trên, nghiên cứu tác động của STKT đến sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Trường Giang nhằm phân tích tác động của suy thoái kinh tế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; Các giải pháp ứng phó của công ty trước tác động của STKT và đề xuất một số giải pháp nhằm giúp công ty hoạt động có hiệu quả hơn trong điều kiện suy thoái.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp chủ yếu áp dụng trong nghiên cứu là phương pháp tiếp cận hệ thống và tiếp cận có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng quản trị công ty, cán bộ quản lý và nhóm người lao động. Số liệu thứ cấp sử dụng trong nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp tổng hợp tài liệu. Nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo tài chính, báo cáo tình hình nhân sự của công ty qua các năm, các tạp chí chuyên ngành, các nghiên cứu trước có liên quan và các website. Số liệu sơ cấp được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp các cán bộ quản lý công ty và 35 người lao động và hội thảo nhóm. Phương pháp phân tích chủ yếu là phương pháp so sánh sự biến

đổi của các chỉ tiêu thời kỳ trước suy thoái (năm 2007) và trong suy thoái (2008- 2010).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tác động của suy thoái kinh tế tới hoạt động sản xuất kinh doanh

3.1.1. Khái quát chung về công ty

Công ty TNHH Trường Giang được thành lập 10/10/1995 tại số 57 Ngô Quyền - Tp Hải Dương. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu là vận chuyển khách tham quan, du lịch, lễ hội bằng đường bộ; sửa chữa trùng đại tu ô tô du lịch; mua bán xe ô tô và phụ tùng ô tô các loại. Tại năm 2010, công ty tổng nguồn vốn là 15 tỷ và 72 lao động trong đó lao động nam là chủ yếu (61,1%). Lao

động thủ công chiếm gần 82%; tổng doanh thu đạt 10,39 tỷ; lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 đạt gần 21,5 triệu và có suy hướng giảm dần trong thời kỳ suy thoái đặc biệt là năm 2009 (Bảng 1).

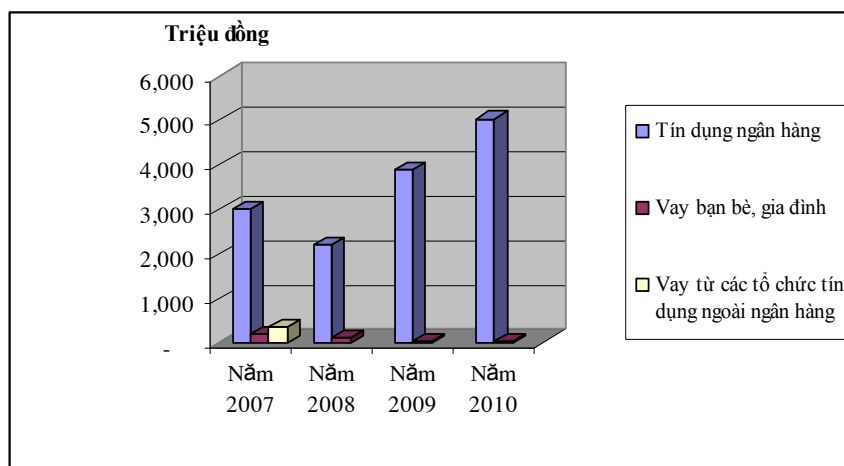
3.1.2 Tác động của suy thoái tới thị trường đầu vào công ty

Trong hoạt động SXKD, đầu vào luôn đóng một vai trò quan trọng, đảm bảo quá trình SXKD diễn ra liên tục, không bị gián đoạn. Trong thời kỳ trước suy thoái, thị trường đầu vào của công ty khá ổn định. Trong giai đoạn suy thoái, phần lớn thị trường đầu vào của công ty bao gồm thị trường vốn, lao động, vật tư và thị trường tiêu thụ sản phẩm chịu tác động của suy thoái.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu cơ bản của công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	2007	2008	2009	2010
1. Tổng nguồn vốn	1000 đồng	11.870.054	12.196.033	14.210.172	15.005.305
2. Tổng lao động	người	67	87	78	72
- Lao động trực tiếp	%	62,69	57,47	60,26	61,11
- Lao động phổ thông	%	83,58	85,06	80,77	81,94
3. Tổng doanh thu	1000 đồng	8.431.168	8.381.875	9.895.180	10.389.183
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	"	21.499,2	8.727	-233.299	-118.918

(Nguồn: Phòng tài chính - kế toán công ty)



Hình 1. Biến động nguồn vốn của công ty thời kỳ suy thoái

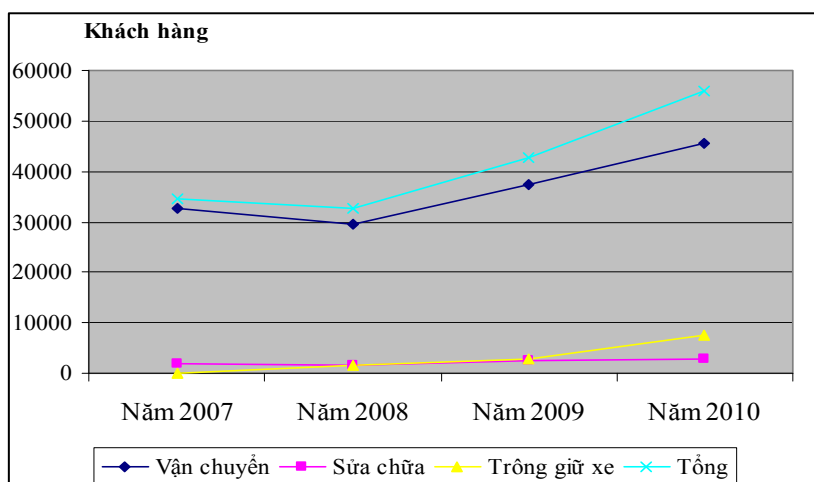
Đối với đầu vào là vốn: Trước suy thoái, việc huy động vốn của công ty khá dễ dàng. Vốn vay được công ty huy động từ nhiều nguồn khác nhau với thủ tục vay đơn giản và nhanh chóng. Năm 2007, công ty thực hiện vay ngắn hạn và dài hạn của ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Công thương 3 tỷ; Vay từ bạn bè, người thân 170 triệu; Vay từ các tổ chức tín dụng 350 triệu. Năm 2008 khi suy thoái kinh tế bắt đầu tác động tới nền kinh tế Việt Nam, Nhà nước áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ; Ngân hàng đã siết chặt thủ tục cho vay, kéo dài thời gian thẩm định nên số vốn vay ngân hàng của công ty giảm xuống còn 2,2 tỷ đồng, giảm 26,67% so với trước suy thoái (năm 2007); Vay bạn bè, gia đình giảm 41,18% và nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng phi chính thống không thể tiếp tục. Nhờ khai thác tốt chính sách hỗ trợ lãi suất của Chính phủ, công ty đã khắc phục được khó khăn về vốn. Số vốn vay ngân hàng năm 2009 đạt 3,9 tỷ đồng, tăng 30% so với trước suy thoái. Năm 2010 công ty vẫn khai thác tốt nguồn vốn hỗ trợ lãi suất của Chính phủ, số vốn vay ngân hàng đạt 5,032 tỷ tăng 67,73% so với trước suy thoái. Số vốn vay bạn bè người thân giảm còn 18,9 triệu đồng. Nhìn chung, dưới tác động của suy thoái kinh tế số vốn vay từ ngân hàng biến động theo chiều hướng giảm mạnh vào năm 2008 và tăng vào các năm về sau do Công ty chủ động tiếp cận với nguồn vốn ưu đãi.

Đối với đầu vào lao động: Trước suy thoái, lượng công việc đều đặn, người lao động có việc ổn định, thậm chí có nhiều thời điểm phải tăng ca. Trong thời kỳ suy thoái, công ty gặp nhiều khó khăn về đầu vào và thị trường đầu ra đã ảnh hưởng tới việc làm của người lao động. Năm 2008 do những tác động từ STKT, công ty đã 2 lần cho 10 lao động nghỉ việc không lương, 7 lần giãn thợ và 3 lần sa thải người lao động. Năm 2009, các giải pháp sa thải, giãn thợ và cho nghỉ không lương để giảm bớt áp lực áp lực về việc làm vẫn được công ty áp dụng.

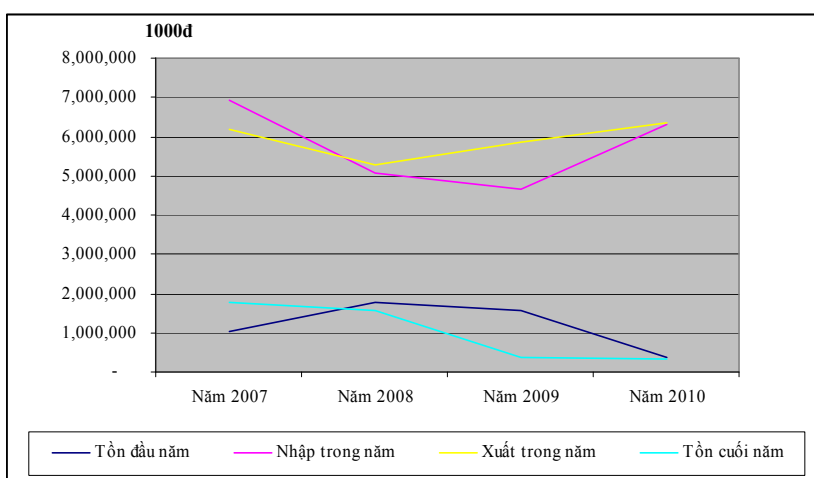
Công ty đã 4 lần sa thải và vận động một số lao động có sức khỏe không đảm bảo, gần tuổi nghỉ hưu về hưu sớm và 2 lần giãn thợ với số lượng bình quân là 10 người/lần. Đây là những giải pháp mà trước STKT, công ty không phải áp dụng. Bên cạnh các biện pháp trên, công ty luôn động viên người lao động nâng cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết để khắc phục khó khăn, vượt qua áp lực của suy thoái.

Đối với thị trường vật tư: Do vật tư của công ty là xăng dầu, phụ tùng ô tô, chủ yếu từ nguồn nhập khẩu nên chịu tác động không nhỏ từ suy thoái. Giá đầu vào trong giai đoạn STKT liên tục tăng. Giá xăng dầu nửa đầu năm 2008 tăng mạnh tới 4.500 VND/lít vào cuối tháng 7/2008. Năm 2008 Bộ Tài chính đã 3 lần ra quyết định tăng thuế nhập khẩu phụ tùng, linh kiện ô tô. Việc tăng giá nguyên nhiên vật liệu đã ảnh hưởng rất lớn tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Bên cạnh sự tăng giá, quá trình cung ứng cũng gặp nhiều khó khăn. Các nhà cung ứng liên tục thay đổi phương thức thanh toán, quá trình thanh toán nhanh hơn, thủ tục mua bán chặt chẽ hơn cũng gây nhiều bất lợi cho Công ty. Để đối phó với sự tăng giá đầu vào, công ty đã chủ động đàm phán lại với các nhà cung cấp, tìm kiếm các nhà cung ứng đầu vào mới để ổn định sản xuất.

Đối với thị trường đầu ra: Suy thoái ít ảnh hưởng tới thị trường đầu ra của công ty. Tuy nhiên, suy thoái lại ảnh hưởng đến số lượng khách hàng. Lượng khách hàng của công ty năm 2008 giảm so với trước suy thoái (năm 2007). Kết quả điều tra cho thấy lượng khách hàng của năm 2008 giảm 5,43% so với trước suy thoái (năm 2007); Năm 2009 nhờ thay đổi trong các chính sách khuyến mại, sử dụng mức giá linh hoạt, để giữ khách hàng, lượng khách cả năm 2009 tăng 24,03% so với trước suy thoái; năm 2010 lượng khách hàng lại tiếp tục tăng. Nhìn chung, lượng khách hàng sử dụng dịch vụ của công ty biến động theo kiểu chữ V với năm 2008 là điểm đáy, năm 2009, 2010 lượng khách tăng hơn so với năm 2008 và tăng so với trước suy thoái (Hình 2).



Hình 2. Biến động lượng khách hàng sử dụng dịch vụ

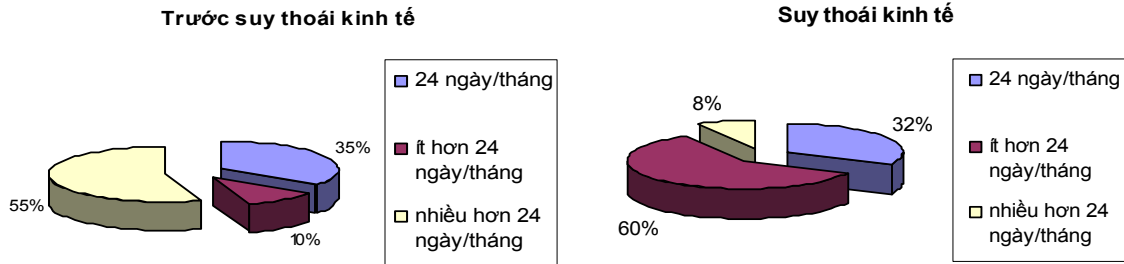


Hình 3. Biến động tồn kho của công ty qua các năm

3.1.3 Tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Do sự biến động giá vật tư và xăng dầu tăng cao trong thời gian suy thoái đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của công ty. Đối với dịch vụ vận tải, giá vật tư và xăng dầu tăng đã gây ảnh hưởng lớn nhu cầu của khách. Thông thường, mỗi lần giá xăng dầu tăng thì giá vận chuyển của các loại tăng cũng tăng khoảng 300-500VND/km, tùy thuộc vào mức tăng của giá xăng dầu. Để chủ động đối phó với sự tăng giá ngoài việc chủ động đàm phán lại với nhà cung ứng, tìm

kiếm thị trường đầu vào mới có mức giá rẻ hơn, công ty đã áp dụng chính sách giá linh hoạt đối với từng loại dịch vụ. Đối với dịch vụ vận tải hành khách, tùy theo tuyến đường, loại xe, quãng đường vận tải mà công ty quyết định mức giá, ký kết hợp đồng trước hay đặt xe trước với nhà cung cấp. Đối với dịch vụ sửa chữa ô tô, giá dịch vụ năm sau thường cao hơn so với những năm trước do giá vật tư tăng. Mức tăng giá dịch vụ được quyết định bởi mức tăng giá vật tư. Để có được sự thông cảm của khách hàng, sau mỗi lần tăng giá, công ty đều có sự thông báo tới khách hàng và niêm yết mức giá mới.



Hình 4. Biến động thời gian làm việc của người lao động trước và trong suy thoái

Một trong những tác động của STKT đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp là tác động đến hàng tồn kho. Quá trình cung ứng và tồn trữ vật tư cũng có nhiều thay đổi theo chiều hướng giảm. Kết quả điều tra 4 năm gần đây cho thấy khi nền kinh tế Việt Nam có những dấu hiệu của suy thoái, giá trị vật tư nhập xuất trong các năm đã giảm so với trước suy thoái. Giá trị vật tư nhập, xuất các năm kinh tế có suy thoái (2008-2010) đều thấp hơn so với trước suy thoái (2007). Kết quả điều tra cho thấy giá trị vật tư nhập và xuất của công ty thể hiện dưới dạng kiểu chữ V trong đó năm 2009 là điểm đáy của giá trị nhập và năm 2008 là điểm đáy của giá trị xuất. Giá trị tồn kho có xu hướng tăng vào năm 2008 và giảm ở các năm 2009, 2010 (Hình 3). Giá trị vật tư giảm là do lượng vật tư giảm.

3.1.4. Tác động tới việc làm và thu nhập của người lao động trong công ty

Do tác động của suy thoái việc làm của người lao động đã bị ảnh hưởng nhiều, thời gian làm việc bị xáo trộn. Theo quy định của công ty, người lao động phải làm việc 24 ngày/tháng và 8h/ngày. Trước khi xảy ra suy thoái lượng công việc nhiều nên công ty thường tăng ca nhiều lần trong tháng, số ngày làm việc nhiều hơn 24 ngày/tháng chiếm tỷ lệ cao. Thời gian thực hiện tăng ca tùy thuộc vào khối lượng công việc từng tháng và tình hình cụ thể của công ty. Hình thức tăng ca có thể là làm thêm giờ vào những ngày thường hoặc khuyến khích

người lao động đi làm vào cuối tuần và quy định mỗi tháng người lao động phải có 2 ngày làm việc vào cuối tuần.

Trong thời kỳ suy thoái công ty buộc phải áp dụng biện pháp cho công nhân nghỉ không lương, cho cán bộ nghỉ hưu trước tuổi, giảm số ngày làm việc (Hình 3). Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến đời việc làm và thu nhập của người lao động.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức lương cơ bản và lương bình quân của người lao động qua các năm đều tăng. Năm 2008 lương cơ bản tăng 20%; Lương bình quân tăng 18,69% so với năm 2007. Năm 2009 lương cơ bản tăng 27,78%; lương bình quân tăng 13,52% so với năm 2008. Năm 2010 lương cơ bản tăng 17,39%; lương bình quân tăng 14,95% so với năm 2009.

Mặc dù cả lương cơ bản và lương bình quân đều tăng nhưng chính sách thưởng và phúc lợi lại có sự thay đổi lớn. Thay vì các đợt thưởng "nóng" và thưởng đều hàng tháng như trước đây, trong thời kỳ suy thoái công ty chỉ thực hiện thưởng vào dịp lễ tết. Các chuyến du lịch, tham quan cũng bị cắt giảm tới 50%.

Nghiên cứu tác động của STKT đến việc làm, đời sống và thu nhập của người lao động cho thấy STKT có tác động khá lớn đến việc làm, thu nhập và đời sống của người lao động. Do tác động của STKT, giá cả các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu như lương thực - thực phẩm đều tăng cao đã ảnh hưởng tới đời sống người lao động. Người lao động phải chi tiêu dè dặt hơn nhiều so với trước khi xảy ra suy thoái (Bảng 2).

Bảng 2. Đánh giá của người lao động về mức độ tác động của STKT (%)

Chỉ tiêu	Không ảnh hưởng	Ảnh hưởng ít	Ảnh hưởng khá nhiều	Ảnh hưởng nhiều
1. Việc làm	11,4	22,9	48,6	17,1
2. Thu nhập	31,4	17,1	37,1	14,3
3. Đời sống	17,1	22,9	48,6	11,4

Nguồn: Kết quả điều tra người lao động

Bảng 3. Kết quả và hiệu quả hoạt động của công ty qua các năm

Chỉ tiêu	ĐVT	2007	2008	2009	2010
1. Tổng doanh thu	1000 đồng	8.431.168	8.381.875	9.895.180	10.389.183
2. Tổng chi phí	"	8.401.308	8.472.806	9.864.117	10.508.101
3. Lợi nhuận sau thuế TNDN	"	21.499	8.727	-233.299	-118.918
4. Vốn chủ sở hữu	"	6.702.566	8.575.419	8.342.119	8.223.192
5. Tổng tài sản	"	11.870.054	12.196.033	14.210.172	15.005.305
6. Doanh thu/lao động	"	125.782,04	96.311,06	126.832,99	144.258,36
7. Doanh thu/chi phí	lần	1,004	0,989	1,003	0,989
8. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu (ROS)	%	0,25	0,10	-2,36	-1,14
9. Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,32	0,10	-2,80	-1,45
10. Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản (ROA)	%	0,18	0,07	-1,64	0,79

Nguồn: Báo cáo tài chính công ty TNHH Trường Giang.

3.1.5 Tác động tới kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Dưới tác động của suy thoái kinh tế, mặc dù công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tác động của suy thoái, tận dụng gói kích cầu của Chính phủ nhưng doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2008 của công ty giảm 0,57% so với trước suy thoái. Doanh thu của các năm 2009 và 2010 có tăng hơn năm 2008 và cao hơn nhiều so với trước thời kỳ STKT. Tuy nhiên, trong thời kỳ suy thoái, do phí cho sản xuất cũng tăng do sự tăng giá của các yếu tố đầu vào, áp lực của sự tăng lương, sự gia tăng của chi phí quảng cáo,... làm cho chi phí sản xuất tăng nhanh. Sự gia tăng của chi phí khiến cho kết quả và hiệu quả hoạt động

sản xuất kinh doanh những năm gần đây giảm mạnh. Lợi nhuận sau thuế thu nhập của doanh nghiệp giảm nhanh qua các năm đặc biệt là năm 2009 và 2010. Các chỉ tiêu thể hiện hiệu quả kinh doanh (ROS, ROE, ROA) giảm rõ rệt so với thời kỳ trước suy thoái (Bảng 3).

3.2 Một số giải pháp chủ yếu nhằm chủ yếu nhằm giúp công ty hoạt động có hiệu quả hơn trong điều kiện suy thoái

3.2.1. Đảm bảo đầu vào cho sản xuất

Đầu vào là yếu tố không thể thiếu được trong sản xuất. Nguồn đầu vào ổn định với giá hợp lý sẽ góp phần tăng kết quả và hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh nhất là trong điều kiện suy

thoái. Trong thời gian tới, công ty cần giữ vững các nhà phân phối hiện có và tìm kiếm thêm các nhà cung ứng mới có uy tín; chủ động đàm phán lại với các nhà cung ứng về giá đầu vào, thực hiện hợp đồng cung cấp nguyên liệu sớm để tránh sự biến động tăng về giá; tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; Xây dựng chính sách tồn kho hợp lý để giảm bớt chi phí tồn kho và đảm bảo tính liên tục của quá trình sản xuất.

3.2.2. Tăng cường các biện pháp Marketing

Tiếp tục và mở rộng chính sách giá linh hoạt đối với các sản phẩm và dịch vụ để thu hút thêm khách hàng; Thực hiện niêm yết giá mới mỗi khi có sự thay đổi giá sản phẩm và dịch vụ; Nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường hoạt động quảng cáo để thu hút khách hàng; Áp dụng chính sách đón trả tại nhà với dịch vụ vận chuyển khách; Áp dụng hình thức quảng cáo di động bằng cách in hình ảnh của công ty trên các phương tiện vận chuyển khách của công ty; Xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng;...

3.2.3. Sử dụng hợp lý lực lượng lao động

Thực hiện tinh giảm và tuyển dụng lao động kết hợp với các chính sách lương thưởng rõ ràng. Đối với những lao động làm việc lâu năm có sức khỏe không đảm bảo hoặc làm việc không hiệu quả, công ty nên có các chính sách về hưu sớm. Thực hiện bố trí hợp lý lực lượng lao động, tranh thủ đào tạo lao động trong giai đoạn ít việc. Thực hiện tinh giản bộ máy quản lý. Động viên tinh thần chủ động sáng tạo, tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong giai đoạn khó khăn, có chính sách hỗ trợ các gia đình có nhiều khó khăn trong cuộc sống.

3.2.4. Thực hiện chính sách sản xuất linh hoạt kết hợp với đa dạng hoá sản phẩm

Trong điều kiện suy thoái, thị trường tiêu thụ luôn có sự biến động thất thường.

Sản xuất linh hoạt là biện pháp phù hợp giúp công ty đáp ứng được yêu cầu thị trường và giảm thiểu chi phí hàng tồn kho. Chủ động tìm kiếm các hợp đồng sản xuất tiến tới sản xuất theo hợp đồng; Đa dạng hóa sản phẩm cũng là biện pháp thích hợp trong điều kiện suy thoái khi nhằm tăng doanh thu khi sản các phẩm truyền thống gặp khó khăn. Việc đa dạng hoá sản phẩm có thể giúp cho Công ty khai thác tốt các nguồn lực sẵn có, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất .

4. KẾT LUẬN

STKT là hiện tượng thường thấy trong nền kinh tế thị trường và có tác động sâu, rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội trong đó có các doanh nghiệp. STKT làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế; gia tăng lạm phát; tăng tỷ lệ thất nghiệp và giảm sút niềm tin của các quốc gia, các tổ chức kinh tế và các nhà đầu tư.

Công ty TNHH Trường Giang nói riêng và doanh nghiệp nói chung cũng chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái. STKT đã làm giảm khả năng huy động vốn của công ty nhất là nguồn vốn từ ngân hàng (26,67% năm 2008); Suy thoái đã ảnh hưởng xấu tới việc làm của 82,6% người lao động dưới hình thức giãn thợ, nghỉ hưu trước tuổi và sa thải. Thu nhập của 62,6% người lao động giảm so với trước suy thoái; Hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty giảm ở tất cả các chỉ tiêu, đặc biệt là năm 2009. Các chỉ số thể hiện hiệu quả SXKD đều ở tình trạng kém hiệu quả: ROS (-2,36), ROE (-2,80) và ROA (-1,64). Mức sống của 82,9% người lao động bị suy giảm.

Để ứng phó với những tác động tiêu cực của STKT công ty đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm hạn chế tác động của STKT, bao

gồm tận dụng gói kích cầu của Chính Phủ; Duy trì và mở rộng số lượng nhà cung ứng; khuyến khích người lao động về hưu sớm, giãn thợ;... Tuy nhiên, tác động của suy thoái còn có thể kéo dài, đòi hỏi phải có sự nỗ lực không phải là của riêng doanh nghiệp mà cần có sự giúp đỡ tích cực và có hiệu quả từ các chương trình của Chính phủ và của tất cả các cấp, ngành có liên quan.

Trong thời gian tới, để đối phó tốt hơn với những tác động của STKT và hoạt động có hiệu quả hơn công ty cần áp dụng một cách đồng bộ các biện pháp: Lựa chọn và liên kết chặt chẽ với nhà cung ứng, đảm bảo đầu vào ổn định cho sản xuất; Xây dựng phương án huy động và sử dụng vốn hợp lý, tranh thủ sự giúp đỡ của Chính phủ; Thực hiện phương án sản xuất linh hoạt kết hợp với đa dạng hoá sản phẩm; Tăng cường các biện pháp marketing và sử dụng hợp lý lực lượng lao động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- John A. Garraty (2009). Cuộc đại suy thoái kinh tế thập niên 1930, dịch giả Nguyễn Kim Dân và N.NNT, NXB Từ điển bách khoa, trang 16.
- Duncan Green (2010). Khủng hoảng kinh tế toàn cầu và các nước đang phát triển, tác động và biện pháp ứng phó, www.imf.org/external/np/seminars/eng/2010/lic/pdf/GreenV.pdf
- Katerila Kirily and Matthew Martin (2010). Impact of the global economic crisis on the Budget of Low income country, a research report for Oxfarm, July, 2010.
- Susan Mulcahy (2002). Business to business advertising: when your market is in a recession or expansion, Cahners research.
- Trần Chí Thiện (2009). Ngăn chặn suy giảm kinh tế: Từ lý thuyết đến thực tiễn Việt Nam, <http://tueba.edu.vn/download/ngan%20chan%20suy%20giam%20kinh%20te.Tu%20ly%20thuyet%20den%20thuc%20te%20Vn.doc>
- http://vi.wikipedia.org/wiki/Suy_tho%C3%A1i_kinh_t%E1%BA%BF